

ĐẶC ĐIỂM BỐ CỤC CỦA TRUYỆN CỔ TÍCH TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT TỪ QUAN ĐIỂM CỦA VLADIMIR PROPP

LAYOUT FEATURES OF FAIRY TALES

IN ENGLISH AND VIETNAMESE FROM VLADIMIR PROPP'S VIEWPOINT

NGUYỄN THỊ QUỲNH HOA

(Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng)

TRẦN THỊ HOA

(Trường THPT Ông Ích Khiêm, Đà Nẵng)

Abstract: Based on Propp's theory, this paper presents the results of a contrastive analysis on 10 English fairy tales and 10 Vietnamese ones in order to highlight their layout features as well as the similarities and differences between the two languages in terms of this genre. Approaching the English and Vietnamese fairy tales as written texts - the products of discourse processes, the paper focuses on identifying the specific functions of the objects under study with a view to helping language teachers and learners understand more about the discourse features of fairy tales in English and in Vietnamese. The findings of the study can be applied in researching, teaching and learning the two languages.

Key words: fairy tales; layout; Propp's Theory; discourse; function.

1. Quan điểm của Vladimir Propp

1.1. Vladimir Propp (1895-1970) cho rằng, việc nghiên cứu và phân loại TCT có thể được tiến hành với tính chính xác khoa học giống như việc phân loại sinh vật học. Trước hết, ông đề nghị xem TCT như là một chuỗi các sự kiện mà ở đó cấu trúc của mỗi một sự kiện có tính độc lập ở mức tối đa so với một nhân vật cụ thể hoặc các chi tiết liên quan. Kế đến, ông nhất quán trong việc phân loại cấu trúc (structural classification) thông qua sự tương đồng về cấu trúc (structural similarity) của các TCT và các bộ phận hợp thành TCT, xem đó như là bộ khung chủ yếu làm nền tảng để xem xét sự thể hiện (representation) của các TCT. Tiếp đó, ông ủng hộ dạng thức thể hiện cấu trúc và kịch liệt phê phán các cách tiếp cận cũng như sự phân loại phi cấu trúc. Ông cho rằng "nhiều cốt truyện khác nhau có thể có cùng một cấu trúc" (tr. 39).

Nhằm mục đích phân loại các TCT dựa vào các định hướng nêu trên, Propp đã tiến hành nghiên cứu chuyên sâu 100 TCT bằng tiếng Nga, qua đó, ông đã phát hiện và nêu ra 31 chức năng (function), trong đó mỗi chức năng biểu thị "một hành động của nhân vật từ góc nhìn về ý nghĩa và diễn tiến của câu chuyện" (tr. 39).

Theo nghiên cứu của Propp, sau khi bối cảnh ban đầu được xác lập, nội dung của TCT được thể hiện theo trình tự 31 chức năng như sau:

1. VẮNG BÓNG (ABSENTATION): Một thành viên của gia đình rời bỏ tổ ấm. Đó có thể là nhân vật chính diện của câu chuyện hoặc một thành viên của gia đình mà nhân vật chính diện sẽ phải giải cứu. Sự phân rẽ gia đình tạo nên tình trạng căng thẳng ngay từ đầu cho câu chuyện. Ở đây, nhân vật chính diện có thể được giới thiệu, thường xuất hiện như là một con người bình thường.

2. CẢNH BÁO (INTERDICTION): Nhân vật chính diện bị cấm thực hiện một hành động nào đó (Không được đến đó; Đừng làm việc này).

3. VI PHẠM CẢNH BÁO (VIOLATION of INTERDICTION). Lỗi cấm đoán bị vi phạm và kẻ ác xâm nhập vào câu chuyện, mặt dù không nhất thiết phải đối đầu với nhân vật chính diện. Đó có thể là một kẻ giấu mặt hoặc một kẻ tấn công gia đình nhân vật chính diện.

4. TÌM KIẾM (RECONNAISSANCE): Kẻ ác cố gắng tìm kiếm một số đối tượng (chẳng hạn như trẻ em, vàng bạc châu báu). Kẻ ác (thường trá hình) tìm mọi cách thăm dò tin tức, tìm kiếm một vật gì có giá trị hoặc cố ý bắt người. Chúng có thể bắt chuyện với một thành viên trong gia đình vô tình để lộ thông tin, hoặc chúng tìm gặp nhân vật chính diện, có lẽ do đã biết rằng nhân vật chính diện là một người đặc biệt về một phương diện nào đó.

5. LẤY ĐƯỢC THÔNG TIN (DELIVERY): Kẻ ác lấy được thông tin về nhân vật chính diện hoặc nạn

nhân. Đó có thể là một bản đồ hoặc một vị trí kho báu.

6. LỪA ĐẢO (TRICKERY): Kẻ ác tìm cách lừa đảo để chiếm đoạt nạn nhân hoặc tài sản của nạn nhân. Kế đến, chúng sử dụng thông tin tìm được nhằm lừa dối nạn nhân hoặc nhân vật chính diện. Chúng giả dạng, làm cho nạn nhân hoặc nhân vật chính diện tin rằng chúng là bạn bè thật sự nhằm lấy lòng hoặc có được sự hợp tác từ nạn nhân hoặc nhân vật chính diện.

7. ĐỒNG LỪA (COMPLICITY): Trò lừa đảo của kẻ ác đã có hiệu lực. Nạn nhân hoặc nhân vật chính diện vô ý tiếp tay cho kẻ thù. Đó có thể là hành động cung cấp cho kẻ ác một vật gì đó (ví dụ như một tấm bản đồ hoặc một loại vũ khí mẫu nhiệm) để hãm hại người tốt (có lẽ kẻ ác đã thuyết phục nạn nhân hoặc nhân vật chính diện rằng đó là những người xấu thực sự).

8. HÀNH ĐỘNG ĐỘC ÁC hoặc SỰ ĐÁNH MẮT: Kẻ ác hãm hại hoặc làm tổn thương một thành viên của gia đình nhân vật chính diện. Đồng thời, một thành viên của gia đình đánh mất một vật gì đó có tính mẫu nhiệm, và ao ước tìm lại được vật đó để cứu người bị nạn.

9. THỨC TỈNH: Nhân vật chính diện phát hiện ra hành vi của kẻ ác và sự mất mát của gia đình, qua việc chứng kiến gia đình hoặc cộng đồng bị hãm hại hoặc rơi vào tình trạng thống khổ, bi ai.

10. BẮT ĐẦU CHÔNG TRÁ: Nhân vật chính diện quyết định hành động để cứu người và lấy lại tài sản bị đánh mất. Đây là thời điểm quyết định đối với nhân vật chính diện, nhờ đó xác định hướng hành động tương lai và qua đó, một con người vốn rất bình thường đã khoác lên lớp áo của chủ nghĩa anh hùng.

11. RA ĐI (DEPARTURE): Nhân vật chính diện lên đường thực hiện quyết định của mình.

12. HÀNH ĐỘNG ĐẦU TIÊN CỦA VỊ CỨU TINH (FIRST FUNCTION OF THE DONOR): Nhân vật chính diện bị thử thách, bị chất vấn, bị tấn công, v.v... trước khi được gặp vị cứu tinh của mình.

13. PHẢN ỨNG CỦA NHÂN VẬT CHÍNH DIỆN (HERO'S REACTION): Nhân vật chính diện phản ứng với các hành động của vị cứu tinh tương lai.

14. TIẾP NHẬN MỘT TÁC NHÂN MÀU NHIỆM (RECEIPT OF A MAGICAL AGENT): Nhân vật chính diện nhận được một tác nhân màu

nhệm, có thể bằng các cách thức: chuyển giao trực tiếp, định vị, mua lại hoặc chuẩn bị được, hoặc ngẫu nhiên xuất hiện, nhờ ăn/uống hoặc được các nhân vật khác giúp đỡ.

15. HƯỚNG DẪN (GUIDANCE): Nhân vật chính diện được chỉ dẫn đến vị trí của đối tượng cần tìm.

16. CHIẾN ĐẤU (STRUGGLE): Nhân vật chính diện và kẻ ác trực tiếp giao chiến.

17. THƯƠNG TỔN (BRANDING): Nhân vật chính diện bị thương tổn.

18. CHIẾN THẮNG (VICTORY): Kẻ ác bị đánh bại (bị giết trong khi giao chiến, bị thua trong một cuộc tranh tài, bị giết trong khi đang ngủ, bị tụt xuống, ...)

19. THOÁT NẠN (LIQUYDATION): Vấn nạn hoặc tai ương đã được giải quyết (vật thể bị mất đã được tìm lại, người bị hại được cứu sống, người bị giam cầm được trả tự do, ...).

20. TRỞ VỀ (RETURN): Nhân vật chính diện trở về nhà.

21. TRUY ĐUỔI (PURSUIT): Nhân vật chính diện bị truy đuổi (bị truy sát, ăn thịt hoặc hãm hại).

22. GIẢI CỨU (RESCUE): Nhân vật chính diện được giải cứu khỏi sự truy đuổi (nhờ các chương ngại vật cản trở kẻ truy đuổi, hoặc nhân vật chính diện ẩn nấp và trốn thoát, cải trang thành người khác, hoặc được ai đó cứu giúp).

23. TRỞ VỀ VÔ DANH (UNRECOGNIZED ARRIVAL): Nhân vật chính diện trở về quê hương xứ sở hoặc một đất nước khác nhưng không được nhận ra.

24. MẠO NHẬN VÔ CĂN CỨ (UNFOUNDED CLAIMS): Có những kẻ giả danh, tự nhận là nhân vật chính diện nhưng không có căn cứ.

25. THỬ THÁCH (DIFFICULT TASK): Nhân vật chính diện phải trải qua các thử thách về sức mạnh, khả năng chịu đựng, giải đáp các câu đố cũng như nhiều thử thách khác.

26. GIẢI QUYẾT (SOLUTION): Câu chuyện đã được giải quyết.

27. CÔNG NHẬN: Nhân vật chính diện được nhận ra nhờ một vết thương, một dấu hiệu đặc biệt hoặc một đồ vật mang theo bên mình.

28. LỘ MẶT (EXPOSURE): Bộ mặt của kẻ ác hoặc kẻ mạo danh bị phơi bày.

29. LỘT XÁC (TRANSFIGURATION): Nhân vật chính diện có được một hình dạng mới (gồm đầy đủ các bộ phận, được khoác lên trang phục mới, trong đẹp hơn,...)

30. TRỪNG PHẠT (PUNISHMENT): Kê ác bị trừng phạt.

31. Đám cưới (WEDDING): Nhân vật chính diện kết hôn và lên ngôi vua (hoặc được tôn vinh, tương đương).

1.2. Toàn bộ 31 chức năng nêu trên của Propp đã được sử dụng rộng rãi trong các nghiên cứu về văn hóa và văn học. Một lần tìm kiếm trên Google với từ khóa "Vladimir Propp" đã cho kết quả là 122.000 trường hợp, trong đó 6390 hàng mục văn bản được viết bằng các ngôn ngữ khác ngoài tiếng Nga). Một điều đáng lưu ý là trong nghiên cứu của ông, Propp không chỉ căn cứ vào truyện cổ tích Nga mà còn xem xét truyện cổ tích từ khắp nơi trên thế giới; đặc biệt, ông đã nghiên cứu các truyện cổ tích

"lạ lạ" của các dân tộc vùng Siberia - các TCT này có thể được xem là gần gũi nhất với nguồn gốc thật sự của TCT. Tại Việt Nam, năm 2006, đã ra đời cuốn sách "Truyện Cổ tích Thần kì Việt đọc theo Hình thái học của Truyện Cổ tích của V.Ja. Propp" của tác giả Đỗ Bình Trị, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. Nội dung của chuyên khảo này là ứng dụng những thành tựu của hình thái học trong việc đọc hiểu truyện cổ tích thần kì của người Việt.

Năm 2010, tại một hội thảo có chủ đề "Language Technology for Cultural Heritage, Social Sciences and Humanities", các nhà nghiên cứu Thierry Declercq, Antonia Scheidel and Pirooska Lendvai đã trình bày nghiên cứu có tên gọi "An Augmented Annotation Schema for Fairy Tales Using Proppian Content Descriptors". Sau đây là lược đồ đã được gia cố về các thành tố của TCT do Thierry Declercq cùng các đồng sự đưa ra trên cơ sở lý thuyết về 31 chức năng của Propp:



Hình 1: Lược đồ gia cố về các thành tố của TCT dựa trên các thuật ngữ miêu tả của Propp (Proppian Content Descriptors in an Augmented Annotation Schema for Fairy Tales http://ilkuvn/LaTeX2010/LPF/12_slides.pdf)

Theo lược đồ này, 31 chức năng do Propp đưa ra đã được mã hóa bằng các kí hiệu khác nhau và được xếp thành 5 nhóm, cụ thể là: Preparation (Khởi đầu), Complication (Biến cố), Donors (Cứu tinh), Struggle + Return (Chiến đấu + Trở về) và Denouement (Kết thúc). Trong đó, một số chức năng xuất hiện dưới tên gọi khác nhưng vẫn giữ nguyên nội dung mà Propp đã nêu ra.

Thierry Declercq cùng các đồng sự đã cho rằng cách tiếp cận này đối với TCT là một phương tiện để xử lý các ngôn bản truyện dân gian nhằm hỗ trợ việc chú giải nội dung tự

động về phương diện các chức năng và các đơn vị trần thuật.

(<file:///E:/My%20Documents/Downloads/LaTeX-H-DI-71.pdf>)

Dưới đây, chúng tôi căn cứ vào lược đồ nói trên để tìm hiểu các đặc điểm bố cục của truyện cổ tích tiếng Anh và tiếng Việt cũng như những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai ngôn ngữ

2. Khảo sát cụ thể

2.1. Tư liệu khảo sát

Chúng tôi đã tiến hành thu thập 20 truyện cổ tích, gồm 10 TCT tiếng Anh được lựa chọn từ 2 tuyển tập của tác giả Joseph Jacobs ("English Fairy Tales" (1890) collected by Joseph Jacobs. A Penn State

Electronic Classics Series Publication. The Pennsylvania State University; "Celtic Fairy Tales" (1892) selected and edited by Joseph Jacobs. A Penn State Electronic Classics Series Publication. The Pennsylvania State University) và 10 TCT tiếng Việt từ "Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam" (2000) của nhà sưu tập Nguyễn Đồng Chi, nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

2.2. Kết quả

1) *Khởi đầu (Preparation)*: gồm 8 chức năng: α , β , γ , δ , ϵ , ζ , η , θ .

Bảng 1. Các chức năng trong TCT tiếng Anh và tiếng Việt trong phần Khởi đầu

Kí hiệu	Chức năng	Số lần xuất hiện trong TCITA	Số lần xuất hiện trong TCTTV
A	Initial Situation	10	10
B	Absentation	3	2
F	Interdiction	2	1
A	Interdiction violated	2	1
E	Information Sought	4	5
Z	Information obtained	4	5
H	Trickery	3	7
Θ	Fall for Trick	3	7

Ví dụ:

- *Once upon a time there was a king who had a wife, whose name was Silver-tree, and a daughter, whose name was Gold-tree. On a certain day of the days, Gold-tree and Silver-tree went to a glen, where there was a well, and in it there was a trout. [Gold tree and Silver tree] [10]*

- *Ngày xưa, ở một vùng gần biển, có hai vợ chồng nhà nọ, đầu tóc đã hoa râm mà vẫn hiếm hoi. Hai vợ chồng cầu khẩn khắp nơi mong có mụn con khôi phải hừ quạnh lúc tuổi già. Thế rồi người vợ bỗng có mang, chín tháng mười ngày đẻ ra một bọc, khi mở ra thì không phải là người mà là một con dê đực. Chồng bực mình bảo vợ đem ném xuống sông cho khuất mắt, nhưng người vợ không nỡ, khuyên chồng cứ để lại nuôi. [Người Lấy Cóc] [4]*

Bảng 1 cho thấy tất cả các TCT tiếng Anh và tiếng Việt đều có phần bối cảnh ban đầu, do vậy, α là chức năng bắt buộc trong TCT ở cả hai ngôn

ngữ. Tuy nhiên, các cặp chức năng η và θ , ϵ và ζ xuất hiện nhiều hơn trong TCTTV so với TCITA.

2) *Biến cố (Complication)*: gồm có 4 chức năng: A, B, C, D và $\uparrow$.

Bảng 2. Các chức năng trong TCT tiếng Anh và tiếng Việt trong phần Biến cố

Kí hiệu	Chức năng	Số lần xuất hiện trong TCITA	Số lần xuất hiện trong TCTTV
A	Villainy/Lack	7	6
B	Mediation	2	3
C	Counter-action	2	1
$\uparrow$	Hero departs	8	2

Ví dụ:

- *The third day the queen goes along with the girl herself to the hen-wife. Now, this time, when Anne lifted the lid off the pot, off falls her own pretty head, and on jumps a sheep's head.*

So the queen was now satisfied, and went back home. [Kate Crackernuts] [9]

- *Nhưng anh không ngờ bọn lính chop lấy anh như chop con mối. Chúng theo anh về nhà và tìm thấy ngay người đàn bà trong tranh. Mừng quá, chúng vội đưa kiệu rước nàng về kinh đô, mặc kệ cho người chồng vật mình than khóc. [Ai mua hành tỏi] [4]*

Theo Bảng 2, chức năng A hầu như trong thể thiếu được trong TCT ở cả hai ngôn ngữ. Propp cho rằng chức năng này đóng vai trò then chốt vì nó là khởi điểm của các biến cố trong câu chuyện.

3) *Cấu tình (Donors)*: gồm có 4 chức năng: D, E, F, G.

Bảng 3. Các chức năng trong TCT tiếng Anh và tiếng Việt trong phần Cấu tình

Kí hiệu	Chức năng	Số lần xuất hiện trong TCITA	Số lần xuất hiện trong TCTTV
D	Test	5	2
E	Pass Test	5	2
F	Magical Helper	6	10
G	Guidance	5	1

Bảng trên cho thấy chức năng F được sử dụng phổ biến trong cả hai ngôn ngữ; tuy nhiên, nó xuất hiện trong tất cả các TCTTV. Điều này cho thấy nhân vật chính diện trong TCTTV thường xuyên nhận được nhiều sự giúp đỡ mẫu nhiệm so với nhân

vật chính diện trong TCTTA. Các chức năng D và E trong TCTTA đều cao hơn so với trong TCTTV. Đáng lưu ý là chức năng G xuất hiện trong TCTTV với số lần thấp nhất. Như vậy, có thể nói rằng sự chỉ dẫn trong TCTTV không đáng kể và không được cung cấp thường xuyên so với TCTTA.

4) *Chiến đấu + Trở về (Struggle + Return)*: gồm 7 chức năng: H, J, I, K, L, Pr, Rs.

Bảng 4. Các chức năng trong TCT tiếng Anh và tiếng Việt trong phần Chiến đấu + Trở về

Kí hiệu	Chức năng	Số lần xuất hiện trong TCTTA	Số lần xuất hiện trong TCTTV
H	Struggle	10	10
J	Branding	3	3
I	Victory	10	10
K	Lack liquidated	5	4
L	Hero returns	4	1
Pr	Pursuit	4	1
Rs	Rescue	4	1

Theo bảng trên, các chức năng H, J và I xuất hiện với số lần bằng nhau trong TCT ở cả hai ngôn ngữ. Chức năng K xuất hiện tương đối đồng đều. Riêng các chức năng L, Pr và Rs được sử dụng trội vượt hơn nhiều trong TCTTA so với TCTTV. Điều này cho thấy TCTTA sử dụng nhiều chức năng hơn so với TCTTV.

5) *Kết thúc (Dénouement)*: gồm có 9 chức năng: O, L, M, N, Q, Ex, T, U, W.

Bảng 5. Các chức năng trong TCT tiếng Anh và tiếng Việt trong phần Kết thúc

Kí hiệu	Chức năng	Số lần xuất hiện trong TCTTA	Số lần xuất hiện trong TCTTV
O	Arrival in Disguise	2	1
L	False Claims	4	1
M	Difficult Task	2	0
N	Solution	2	0
Q	Hero Recognized	4	2
Ex	Impostor Exposed	3	4
T	Transformation	0	2
U	Punishment	7	9
W	Wedding	9	9

Trong phần Kết thúc, chức năng W được sử dụng phổ biến nhất trong cả hai ngôn ngữ. Chức năng U

được sử dụng tương đối nhiều hơn trong TCTTV so với TCTTA. Các chức năng O, L và Q được sử dụng trội vượt hơn trong tiếng Anh, trong khi đó, chức năng Ex lại tỏ ra phổ biến hơn trong tiếng Việt. Đặc biệt, dữ liệu TV không hề thể hiện các chức năng M và N, trong khi đó dữ liệu tiếng Anh lại không có chức năng T. Điều này cho thấy tính thử thách xuất hiện ít hơn trong TCTTV nhưng tính mẫu nhiệm lại xuất hiện cao hơn.

5. Kết luận

Trong dữ liệu nghiên cứu của bài viết này, các TCT tiếng Anh và tiếng Việt đều phản ánh gần như đầy đủ 31 chức năng do Propp đưa ra, được Thierry Declercq cùng các đồng sự khái quát hóa thành 5 nhóm với các kí hiệu riêng biệt. Những điểm tương đồng giữa hai ngôn ngữ cho thấy sự đồng nhất trong tư duy của các dân tộc về các yếu tố cấu thành cũng như các diễn tiến của truyện cổ tích. Các khác biệt về bố cục giữa TCTTA và TCTTV cho thấy TCTTA nhấn mạnh tính thử thách và tính hành động, trong khi TCTTA chú trọng nhiều hơn đến các phép màu và sự trừng phạt.

Các kết quả nghiên cứu của bài viết có thể được áp dụng vào việc dạy và học tiếng Anh và tiếng Việt. Các đặc điểm về bố cục của truyện cổ tích tiếng Anh và tiếng Việt góp phần giúp người học nhìn rõ hơn cấu trúc của một truyện cổ tích cũng như nhận diện được những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai ngôn ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Brown, G & Yule, G. (1983), *Discourse analysis*, Cambridge University Press, Cambridge.
2. Đỗ Bình Trị (2006), *Truyện cổ tích thần kì Việt đọc theo hình thái học của Truyện cổ tích của V.Ja. Propp*, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Đồng Chi (2000), *Kho tàng Truyện cổ tích Việt Nam*, Hà Nội: NXB Giáo dục.
4. Propp, V.(1928), *Morphology of the folktale*, Trans. Laurence Scott, 2nd ed. Austin: University of Texas Press, 1968.
5. file:///E:/My%20Documents/Downloads/LaTeX-H-TD-7J.pdf
7. http://ilkuvn.nl/LaTeXCH2010/LPF/12_slides.pdf
8. moe.ucoz.ru/_ld/094_English-Fairy-T.pdf (08/10/2011)
9. www2.hn.psu.edu/faculty/jmanis/joseph..Celtic-Fairy-Tales.pdf